

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

(

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>	
Thông tin chung	1 - 2	
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5	
Bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty	6 - 7	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty	8	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty	9 - 10	
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty	11 - 46	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại số 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, số 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61141397/18254823

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp/hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		765.517.891.362	671.251.638.834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.372.188.855	64.822.773.461
111	1. Tiền		44.419.188.855	23.047.773.461
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.953.000.000	41.775.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.451.543.907	5.201.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	-	3.750.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		603.716.042.989	481.408.218.001
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	473.305.124.213	337.274.530.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	33.481.817.632	34.585.762.740
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	31	1.978.819.821	932.370.474
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	29.500.000.000	6.000.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8	91.128.846.220	105.434.761.773
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(25.678.564.897)	(2.819.207.286)
140	IV. Hàng tồn kho	9	66.498.923.348	119.401.245.837
141	1. Hàng tồn kho		66.498.923.348	119.401.245.837
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		479.192.263	417.857.628
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	479.192.263	417.857.628
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		335.722.518.871	392.541.759.377
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.979.732.395	26.349.325.536
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	31	13.877.447.395	11.848.300.536
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	31	-	14.400.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	102.285.000	101.025.000
220	II. Tài sản cố định		128.501.807.282	139.571.244.231
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	124.363.216.874	137.989.503.637
222	Nguyên giá		212.232.111.109	200.991.194.235
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(87.868.894.235)	(63.001.690.598)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.138.590.408	1.581.740.594
228	Nguyên giá		5.479.639.881	1.979.639.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.341.049.473)	(397.899.287)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.204.557.842	6.079.105.234
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.204.557.842	6.079.105.234
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	186.386.813.166	212.953.089.098
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.702.300.000	103.552.860.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17.360.740.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		125.691.049.500	127.679.789.500
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.367.276.334)	(18.279.560.402)
260	V. Tài sản dài hạn khác		649.608.186	7.588.995.278
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	649.608.186	7.588.995.278
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.101.240.410.233	1.063.793.398.211

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		295.075.762.916	309.776.760.386
310	I. Nợ ngắn hạn		268.367.303.240	289.150.759.796
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	142.827.388.425	149.940.733.457
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	19.806.233.957	7.415.154.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	15.525.355.395	17.949.839.166
314	4. Phải trả người lao động		14.266.830.697	11.443.057.229
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.943.064.490	972.864.921
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		289.408.000	284.419.200
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.160.969.684	17.601.972.992
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	58.281.288.917	78.275.268.628
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.754.592.529	2.820.314.366
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	5.512.171.146	2.447.135.751
330	II. Nợ dài hạn		26.708.459.676	20.626.000.590
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	12.600.439.736
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	26.708.459.676	8.025.560.854
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		806.164.647.317	754.016.637.825
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	806.164.647.317	754.016.637.825
411	1. Vốn cổ phần		465.973.750.000	415.719.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		465.973.750.000	415.719.980.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.697.010.000	88.712.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.353.000.000)	(1.281.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.775.255.576	33.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		211.871.631.741	211.890.892.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		135.263.823.449	126.401.944.442
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		76.607.808.292	85.488.947.807
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.101.240.410.233	1.063.793.398.211

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.291.632.000.962	676.363.869.661
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.291.632.000.962	676.363.869.661
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.021.604.486.572)	(463.011.037.456)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		270.027.514.390	213.352.832.205
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	9.052.820.636	15.947.462.791
22	7. Chi phí tài chính	26	(38.082.996.663)	(34.366.650.597)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.688.468.224)	(3.488.261.995)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(34.537.232.207)	(22.523.376.805)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(114.066.009.210)	(64.516.723.680)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.394.096.946	107.893.543.914
31	11. Thu nhập khác	28	4.003.192.706	2.527.137.051
32	12. Chi phí khác	28	(2.087.274.811)	(11.396.977.327)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	28	1.915.917.895	(8.869.840.276)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		94.310.014.841	99.023.703.638
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(17.702.206.549)	(13.534.755.831)
52	16. Thu nhập thuế hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		76.607.808.292	85.488.947.807

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.258.189.901.008	646.923.973.417
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(996.609.970.713)	(505.084.603.749)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(53.810.312.883)	(42.439.495.400)
04	Tiền chi trả lãi		(10.870.091.154)	(3.482.858.461)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(24.227.333.140)	(7.921.012.697)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.393.457.861	41.148.180.283
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(105.750.375.531)	(77.005.392.930)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		84.315.275.448	52.138.790.463
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(15.995.442.952)	(42.163.557.523)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		400.000.000	92.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(24.155.000.000)	(4.061.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.513.700.000	10.093.971.507
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		-	(12.045.000.000)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		3.999.969.144	12.693.845.959
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.120.972.591	25.033.833.769
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.115.801.217)	(10.355.179.015)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		7.985.000.000	6.600.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(71.500.000)	(1.210.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		521.662.118.349	133.520.939.045
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(554.195.775.346)	(116.905.998.607)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.445.460.640)	(43.993.564.275)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(52.065.617.637)	(21.988.623.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		28.133.856.594	19.794.987.611
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		64.822.773.461	45.029.468.184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		415.558.800	(1.682.334)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	93.372.188.855	64.822.773.461


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh


Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại số 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, số 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 228 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 237).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom, một công ty con của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới, dẫn đến mất quyền kiểm soát tại một công ty con khác là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (xem Thuyết minh số 13). Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới và Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn không còn là công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty*

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có chi nhánh và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Báo cáo tài chính riêng này chỉ trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cần đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và chi nhánh và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính tổng hợp/hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	2 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng của văn phòng Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	82.406.030	153.455.167
Tiền gửi ngân hàng	44.336.782.825	22.894.318.294
Các khoản tương đương tiền (*)	48.953.000.000	41.775.000.000
TỔNG CỘNG	<u>93.372.188.855</u>	<u>64.822.773.461</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,4% đến 4,8%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	521.662.118.349	133.520.939.045
- tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(554.195.775.346)	(116.905.998.607)
- tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:				
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	67.295.740	103.250.000	-	67.295.740
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	4.346.920.000
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	1.487.498.167	(2.962.671.833)	4.414.215.740

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.750.000.000	3.750.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	3.750.000.000	3.750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	466.826.920.927	330.362.655.765
- Công ty TNHH Comverse	-	65.366.587.400
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	136.972.379.433	9.129.350.000
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	60.066.760.096	12.380.964.515
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	46.353.030.630	45.857.263.330
- Tổng Công ty Truyền thông VNPT-Media	33.812.183.940	3.080.364.488
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	20.932.330.865	65.533.988.951
- Các khoản phải thu khách hàng khác	168.690.235.963	129.014.137.081
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	6.478.203.286	6.911.874.535
TỔNG CỘNG	473.305.124.213	337.274.530.300
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.112.032.414)	(894.907.286)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	20.481.817.632	21.585.762.740
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty TNHH Nhà Nguyễn	5.120.219.947	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	2.619.000.000	-
- Các khoản trả trước khác	4.519.844.915	13.363.009.970
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	33.481.817.632	34.585.762.740

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Phương Hải (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	-
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	9.100.000.000	-
TỔNG CỘNG	29.500.000.000	6.000.000.000
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(14.400.000.000)	-

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	56.274.344.485	-	73.340.651.092	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	4.800.000.000	-	5.900.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	(1.015.586.838)	1.916.209.769	-
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.289.885.279	(2.797.185.279)	3.689.885.279	-
Tạm ứng cho nhân viên Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	2.560.188.112	-	3.520.414.291	-
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm (iii)	3.758.656.759	-	7.205.674.859	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	(2.005.750.000)	2.005.750.000	(1.924.300.000)
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	(2.348.010.366)	2.348.010.366	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	3.786.722.933	-	2.789.033.556	-
	91.128.846.220	(8.166.532.483)	105.434.761.773	(1.924.300.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	102.285.000	-	101.025.000	-
	102.285.000	-	101.025.000	-
TỔNG CỘNG	91.231.131.220	(8.166.532.483)	105.535.786.773	(1.924.300.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	30.666.901.456	(5.369.347.204)	26.589.040.633	(1.924.300.000)
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	60.564.229.764	(2.797.185.279)	78.946.746.140	-

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà vì liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.
- (ii) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện các hợp đồng nhập khẩu thiết bị.
- (iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm giá trị hàng hóa cho nhân viên mượn để thực hiện lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	-	-	30.100.031.553	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.500.000	-	14.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.507.707.189	-	40.188.860.190	-
Thành phẩm	215.928.856	-	300.097.464	-
Hàng hóa	41.760.787.303	-	48.797.756.630	-
TỔNG CỘNG	66.498.923.348	-	119.401.245.837	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	79.569.619.090	79.293.412.447	25.957.351.803	16.170.810.895	200.991.194.235
- Mua trong năm	-	1.850.459.577	2.687.674.545	4.345.306.621	8.883.440.743
- Đầu tư XDCB hoàn thành	610.561.147	-	-	1.746.914.984	2.357.476.131
Số dư cuối năm	80.180.180.237	81.143.872.024	28.645.026.348	22.263.032.500	212.232.111.109
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	13.903.659.849	10.442.944.353	3.015.148.040	27.361.752.242
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	9.976.020.882	27.727.989.684	17.898.493.492	7.399.186.540	63.001.690.598
- Khấu hao trong năm	3.197.931.897	15.467.880.747	3.127.747.560	3.073.643.433	24.867.203.637
Số dư cuối năm	13.173.952.779	43.195.870.431	21.026.241.052	10.472.829.973	87.868.894.235
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	69.593.598.208	51.565.422.763	8.058.858.311	8.771.624.355	137.989.503.637
Số dư cuối năm	67.006.227.458	37.948.001.593	7.618.785.296	11.790.202.527	124.363.216.874
Trong đó:					
Tài sản thế chấp (*)	57.867.712.442	-	29.225.697	-	57.896.938.139

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số dư đầu năm	1.979.639.881
- Mua trong năm	3.500.000.000
Số dư cuối năm	<u>5.479.639.881</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm	397.899.287
- Hao mòn trong năm	943.150.186
Số dư cuối năm	<u>1.341.049.473</u>

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm	<u>1.581.740.594</u>
Số dư cuối năm	<u><u>4.138.590.408</u></u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Thanh Trì (*)	5.862.765.957	5.737.313.349
Dự án Từ Liêm (**)	246.601.885	246.601.885
Các dự án khác	95.190.000	95.190.000
TỔNG CỘNG	<u>6.204.557.842</u>	<u>6.079.105.234</u>

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 10% lợi ích trong dự án này.

(**) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (cổ phiếu)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty con		49.702.300.000	2.461.037.582	47.241.262.418		103.552.860.000	14.917.220.000	88.635.640.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	-	-	-	-	-	36.489.820.000	14.917.220.000	21.572.600.000	
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	1.205.230	12.052.300.000	1.387.430.216	10.664.869.784	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	765.000	7.650.000.000	1.073.607.366	6.576.392.634	1.205.230	12.052.300.000	-	12.052.300.000	
Công ty Cổ phần Elcom Plus					765.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết		17.360.740.000	-	17.360.740.000		-	-	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	-	-	-	-	
Đầu tư vào đơn vị khác		125.691.049.500	3.906.238.752	121.784.810.748		127.679.789.500	3.362.340.402	124.317.449.098	
Đầu tư cổ phiếu (*)		87.919.549.500	3.906.238.752	84.013.310.748		89.908.289.500	3.362.340.402	86.545.949.098	
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.227.645.953	27.362.354.047	1.250.000	28.590.000.000	947.834.253	27.642.165.747	
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	
Công ty Cổ phần Tìm học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	360.000.000	-	360.000.000	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số
Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)						
Đầu tư cổ phiếu (*) (tiếp theo)						
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	-	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Atami Holdings	1.189.500	11.895.000.000	2.418.139.101	11.895.000.000	2.414.506.149	9.480.493.851
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	-	-	788.740.000	-	788.740.000
Công ty Cổ phần Telsoft	-	-	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	-	37.771.500.000	-	37.771.500.000
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000	-	37.771.500.000
TỔNG CỘNG		192.754.089.500	6.367.276.334	231.232.649.500	18.279.560.402	212.953.089.098

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tại định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	-	99,45%
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100,00%	100%
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65%
Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51%

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom, một công ty con của Công ty, được thành lập từ năm 2011. Tính đến thời điểm giải thể, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty này. Công ty này cũng chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh như đăng ký trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con khác là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới với giá 0 VND. Do công ty con này nắm giữ 9,46% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn nên việc chuyển nhượng này cũng làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn từ 52,44% xuống còn 42,97%. Qua đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn trở thành một công ty liên kết của Công ty.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	42,97%	52,44%

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4700162684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 8 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại số 91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng Tây Hồ	131.565.909	130.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	347.626.354	287.857.628
TỔNG CỘNG	479.192.263	417.857.628
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	649.608.186	642.764.565
Chi phí dự án thử nghiệm vi sinh	-	6.946.230.713
TỔNG CỘNG	649.608.186	7.588.995.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	132.032.193.403	130.067.276.153	138.304.813.755	138.304.813.755
- Công ty Ciena Communications Inc.	20.227.566.468	20.227.566.468	-	-
- Công ty Hudson Capital Holding Ltd.	17.411.030.126	17.411.030.126	10.167.584.780	10.167.584.780
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Tân Cảng	15.575.236.100	15.575.236.100	-	-
- Công ty Telink Group Inc	-	-	24.018.106.500	24.018.106.500
- Công ty TNHH Comverse	-	-	13.790.545.410	13.790.545.410
- Phải trả đối tượng khác	78.818.360.709	76.853.443.459	90.328.577.065	90.328.577.065
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	10.795.195.022	10.795.195.022	11.635.919.702	11.635.919.702
TỔNG CỘNG	142.827.388.425	140.862.471.175	149.940.733.457	149.940.733.457

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cục Công nghệ Thông tin	7.341.257.600	-
Công ty Cổ phần VETC	2.456.012.750	-
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	-	3.420.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 194	-	3.103.725.086
Người mua trả tiền trước khác	1.049.021.090	891.429.000
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	8.959.942.517	-
TỔNG CỘNG	19.806.233.957	7.415.154.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.611.211.883	71.394.897.177	65.011.239.284	8.994.869.776
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.807.456.886	1.807.456.886	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30.1</i>)	12.220.533.178	17.702.206.549	24.227.333.140	5.695.406.587
Thuế thu nhập cá nhân	161.240.782	4.043.917.844	3.894.320.454	310.838.172
Thuế nhà thầu	208.281.543	6.564.207.259	6.361.308.539	411.180.263
Các loại thuế khác	2.748.571.780	334.737.629	2.970.248.812	113.060.597
TỔNG CỘNG	<u>17.949.839.166</u>	<u>101.847.423.344</u>	<u>104.271.907.115</u>	<u>15.525.355.395</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thực hiện dự án	5.475.636.716	28.631.000
Các khoản khác	467.427.774	944.233.921
TỔNG CỘNG	<u>5.943.064.490</u>	<u>972.864.921</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	4.685.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	815.660.688	795.003.288
Kinh phí công đoàn	772.507.979	3.473.523.979
Phải trả hàng mang đi bảo hành	274.690.908	3.410.410.576
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	3.404.882.230
Phải trả tiền đền bù bảo lãnh bảo hành	-	1.259.141.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	412.845.396	573.746.506
TỔNG CỘNG	<u>3.160.969.684</u>	<u>17.601.972.992</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	877.500
<i>Phải trả khác</i>	3.160.969.684	17.601.095.492

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay cá nhân	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	17.900.355.000	17.900.355.000	4.509.416.000	22.409.771.000	-	-	-
Vay ngân hàng	57.874.913.628	57.874.913.628	521.662.118.349	521.194.980.610	(60.762.450)	58.281.288.917	58.281.288.917
	78.275.268.628	78.275.268.628	526.171.534.349	546.104.751.610	(60.762.450)	58.281.288.917	58.281.288.917
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	12.600.439.736	12.600.439.736	-	12.600.439.736	-	-	-
	12.600.439.736	12.600.439.736	-	12.600.439.736	-	-	-
TỔNG CỘNG	90.875.708.364	90.875.708.364	526.171.534.349	558.705.191.346	(60.762.450)	58.281.288.917	58.281.288.917

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số cuối năm		Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	(VND)	(USD)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	2.676.960.000	-	6,5%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	53.604.328.917	2.352.099	2,5% - 2,7%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.000.000.000	-	5,8%	Tín chấp

TỔNG CỘNG

58.281.288.917 2.352.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.754.592.529	2.820.314.366
TỔNG CỘNG	2.754.592.529	2.820.314.366
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	26.708.459.676	8.025.560.854
TỔNG CỘNG	26.708.459.676	8.025.560.854

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	2.447.135.751	2.557.720.083
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 22.1)	7.500.000.000	6.800.000.000
Phân bổ cho công ty con	(2.600.000.000)	(2.653.522.000)
Sử dụng trong năm	(1.834.964.605)	(4.257.062.332)
Số dư cuối năm	5.512.171.146	2.447.135.751

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số dư đầu năm	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	31.975.255.576	5.200.000.000	180.522.035.242	715.457.780.818
- Tăng vốn trong năm	36.320.890.000	(29.720.890.000)	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	85.488.947.807	85.488.947.807
- Trích lập quỹ đầu tư	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.210.000.000)	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Số dư cuối năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	211.890.892.249	754.016.637.825
Năm nay							
Số dư đầu năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	211.890.892.249	754.016.637.825
- Tăng vốn trong năm (*)	50.253.770.000	(15.000.000)	-	-	-	(42.253.770.000)	7.985.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	76.607.808.292	76.607.808.292
- Trích lập quỹ đầu tư	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	(24.873.298.800)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư cuối năm	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	211.871.631.741	806.164.647.317

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 001/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 001/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 2 năm 2016 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 800.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 9 tháng 5 năm 2016. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng đã ban hành Nghị quyết số 02-06/2016/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2016 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức, với tổng số cổ phiếu phát hành thêm tối đa dự kiến là 4.225.549 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết 4.225.377 cổ phiếu nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	465.973.750.000	465.973.750.000	-	415.719.980.000	415.719.980.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.697.010.000	88.697.010.000	-	88.712.010.000	88.712.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-
TỔNG CỘNG	553.317.760.000	553.317.760.000	-	503.150.490.000	503.150.490.000	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	415.719.980.000	379.399.090.000
Tăng vốn trong năm	50.253.770.000	36.320.890.000
Số cuối năm	465.973.750.000	415.719.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	24.873.298.800	45.520.090.800

22.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	24.873.298.800	45.520.090.800
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	24.873.298.800	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VND/cổ phiếu	-	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	24.873.298.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu đã phát hành	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>46.597.375</i>	<i>465.973.750.000</i>	<i>41.571.998</i>	<i>415.719.980.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	123.000	1.353.000.000	116.500	1.281.500.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>123.000</i>	<i>1.353.000.000</i>	<i>116.500</i>	<i>1.281.500.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	123.000	1.353.000.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	46.474.375	464.620.750.000	41.455.498	414.438.480.000
Cổ phiếu phổ thông	46.474.375	464.620.750.000	41.455.498	414.438.480.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	105.224,38	1.767,97
Bảng Anh (GBP)	990,14	-
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	6.057.777.778

(*) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND và khoản phải thu khác (bao gồm cho vay không lãi và lãi vay phải thu) từ công ty này với số tiền là 1.057.777.778 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay và phải thu nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.291.632.000.962	676.363.869.661
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	845.898.452.694	343.586.231.340
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	422.622.826.048	204.812.959.429
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	23.062.113.130	63.601.259.939
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	48.609.090	363.418.953
<i>Doanh thu chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản</i>	-	64.000.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.291.632.000.962	676.363.869.661
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	845.898.452.694	343.586.231.340
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	422.622.826.048	204.812.959.429
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	23.062.113.130	63.601.259.939
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	48.609.090	363.418.953
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	-	64.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.279.492.223.280	578.404.489.267
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	12.139.777.682	97.959.380.394

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.911.864.465	4.153.336.715
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.255.217.306	1.113.479.643
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	2.011.229.144	3.570.518.604
Cổ tức, lợi nhuận được chia	350.440.200	573.729.559
Lợi nhuận công ty con chuyển về	524.020.755	6.536.398.270
Doanh thu tài chính khác	48.766	-
TỔNG CỘNG	9.052.820.636	15.947.462.791

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	672.805.395.881	254.078.670.898
Giá vốn dịch vụ cung cấp	342.138.360.602	149.554.857.895
Giá vốn thành phẩm phần mềm	6.616.767.488	7.428.559.371
Giá vốn của thành phẩm khác	43.962.601	313.129.150
Giá vốn chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	-	51.635.820.142
TỔNG CỘNG	1.021.604.486.572	463.011.037.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	10.688.468.224	3.488.261.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.816.572.417	10.763.911.594
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	3.004.935.932	7.030.139.017
Lỗ từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	21.572.600.000	9.084.159.514
Chi phí từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.000.000.000
Chi phí tài chính khác	420.090	178.477
TỔNG CỘNG	<u>38.082.996.663</u>	<u>34.366.650.597</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	316.281.799	331.681.920
Chi phí dự phòng bảo hành hàng hoá	19.439.195.537	9.328.978.545
Chi phí bảo hành phần mềm	72.877.446	7.033.000
Phí chuyển tiền, bảo lãnh ngân hàng	2.900.156.684	1.720.412.337
Chi phí công tác, xăng xe, đi lại	3.827.053.177	3.985.275.857
Chi phí tiếp khách, hội thảo, marketing	6.602.325.424	5.606.381.431
Chi phí bán hàng khác	1.379.342.140	1.543.613.715
TỔNG CỘNG	<u>34.537.232.207</u>	<u>22.523.376.805</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	61.122.180.406	47.431.096.383
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.470.717.189	1.411.112.220
Chi phí khấu hao	7.783.454.330	6.984.672.897
Chi phí điện, nước, điện thoại, thuê văn phòng	3.915.184.013	3.515.414.248
Dự phòng nợ, phải thu khó đòi	22.859.357.611	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.915.115.661	5.174.427.932
TỔNG CỘNG	<u>114.066.009.210</u>	<u>64.516.723.680</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	4.003.192.706	2.527.137.051
Chiết khấu, thưởng từ nhà cung cấp	2.723.448.185	-
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	-	1.600.000.000
Thu phạt chậm hợp đồng	454.776.011	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	400.000.000	92.727.273
Các khoản khác	424.968.510	834.409.778
Chi phí khác	2.087.274.811	11.396.977.327
Phạt chậm hợp đồng	1.069.619.343	5.883.219.210
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	907.462.142	4.976.135.360
Các khoản khác	110.193.326	537.622.757
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	1.915.917.895	(8.869.840.276)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	852.874.808.878	410.737.588.731
Chi phí nhân công	66.944.438.121	52.439.489.673
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	25.810.353.823	27.203.082.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.266.421.688	31.973.172.654
Chi phí dự phòng bảo hành	19.512.072.983	9.336.011.545
Chi phí khác bằng tiền	54.799.632.496	18.361.793.192
TỔNG CỘNG	1.170.207.727.989	550.051.137.941

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.334.197.974	13.029.508.099
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	368.008.575	505.247.732
TỔNG CỘNG	17.702.206.549	13.534.755.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.310.014.841	99.023.703.638
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	16.327.529.626	11.125.863.608
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	75.114.022	1.094.749.779
Chi phí khấu hao vượt định mức	104.098.546	175.095.743
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	830.384.207	337.849.494
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	24.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	130.158.402	128.297.074
Chi phí đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	-	880.000.000
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	368.008.575	505.247.732
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập đã tính thuế từ công ty con	(26.201.037)	(326.819.914)
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(70.088.040)	(126.220.503)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(60.797.752)	(259.307.182)
Chi phí thuế TNDN	17.702.206.549	13.534.755.831

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Nhập phần mềm, hàng hóa	24.573.010.000	20.400.248.750
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	524.020.755	6.536.398.270
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	2.396.334.056	3.260.952.065
		Bán hàng hoá	-	279.366.000
		Chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi	1.935.406.177	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con (đến ngày 30 tháng 12 năm 2016)	Lãi vay phải thu	-	1.013.600.000
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	-	244.990.478
		Mua hàng hóa	-	400.000.000
		Cho vay không lãi	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Cho vay không lãi	600.000.000	211.000.000
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	-	2.150.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán thiết bị, phần mềm hệ thống cảng	-	91.747.749.582
		Cho thuê văn phòng, ô tô	-	104.727.273
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.783.060.622	1.938.628.254
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	16.288.578.954	-
		Bán hàng hóa	7.606.090.829	-
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	1.038.063.474	-
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Cho thuê văn phòng, chỗ đặt thiết bị	354.292.175	380.816.742
		Góp vốn	-	7.650.000.000
		Sử dụng dịch vụ	4.663.375.835	8.094.354.764
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	6.152.400.000	4.914.300.000
		Đầu tư vốn cổ phần	2.029.146.859	2.592.274.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi cho bên liên quan là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn với tổng số tiền là 3.689.885.279 VND. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng <i>(Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	38.400.000	38.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con (đến ngày 30 tháng 12 năm 2016)	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.395.037.933
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.842.032.507	3.880.665.823
TỔNG CỘNG			6.478.203.286	6.911.874.535
Trả trước cho người bán ngắn hạn (*) <i>(Thuyết minh số 6.2)</i>				
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Thu lợi nhuận	56.274.344.485	73.340.651.092
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con (đến ngày 30 tháng 12 năm 2016)	Phải thu lãi cho vay, phải thu khác	-	1.916.209.769
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu đầu tư Lãi vay	3.881.000.000 408.885.279	3.281.000.000 408.885.279
TỔNG CỘNG			60.564.229.764	78.946.746.140

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7) ()**

Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	6.000.000.000	-
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.500.000.000	-
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	-
TỔNG CỘNG			9.100.000.000	-

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ông Nguyễn Văn Hòa	6.000.000.000	3 tháng	9%/năm	Tín chấp
Ông Vũ Văn Cao	1.500.000.000	5 tháng	8%/năm	Tín chấp
Bà Phùng Thu Phương	1.600.000.000	4 tháng	8%/năm	Tín chấp

Phải thu về cho vay dài hạn

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con (đến ngày 30 tháng 12 năm 2016)	Cho vay dài hạn	-	14.400.000.000
TỔNG CỘNG			-	14.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	8.765.597.000	7.712.207.433
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	2.029.598.022	3.923.712.269
TỔNG CỘNG			10.795.195.022	11.635.919.702
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	7.921.879.043	-
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	1.038.063.474	-
TỔNG CỘNG			8.959.942.517	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Trả hộ chi phí	-	877.500
TỔNG CỘNG			-	877.500
Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	1.978.819.821	932.370.474
TỔNG CỘNG			1.978.819.821	932.370.474
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc				
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Cấp vốn kinh doanh	13.877.447.395	11.848.300.536
TỔNG CỘNG			13.877.447.395	11.848.300.536

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.831.646.925	3.487.240.000
TỔNG CỘNG	4.831.646.925	3.487.240.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào thời điểm cuối năm, Công ty có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	2.070.600.000	2.057.340.000
TỔNG CỘNG	2.070.600.000	2.057.340.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.413.768.560	6.817.521.381
Từ 1 – 5 năm	-	552.844.294
TỔNG CỘNG	4.413.768.560	7.370.365.675

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	<i>Bên nhận đầu tư</i>	<i>Cam kết góp vốn của Công ty</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số vốn thực góp</i>	<i>Số vốn chưa góp</i>
1	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	11.895.000.000	10.605.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
5	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
	TỔNG CỘNG	513.418.000.000	68.787.240.000	444.630.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 16 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT về việc phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ nhân viên (ESOP), với số cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.000.000 cổ phiếu, mức giá phát hành là 10.000 VND cho mỗi cổ phiếu. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2017, Công ty đã phát hành số cổ phiếu nói trên.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh


Tổn Giám đốc
Phan Chiển Thắng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017